

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 6 - 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học và bà Bùi Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: TDP K, thôn A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: XXX Đ, tổ B, khu phố C, phường D, quận G, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y ngày 27 tháng 7 năm 2001. Ngày cưới, bà về làm dâu ngay và làm ăn ở chung cùng gia đình ông T, được khoảng 01 tháng ông bà vào quận G, thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống, thỉnh thoảng gia đình có công việc gì hoặc lễ, tết hàng năm thì ông bà mới về quê. Tình cảm vợ chồng bình thường đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn, hay đánh đập bà và ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay. Tháng 7/2021, bà H làm đơn xin ly hôn, nhưng ông T không đồng ý; bà được Tòa án và gia đình động viên nên bà rút đơn để tạo cơ hội cho ông T thay đổi, vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng, từ khi bà rút đơn đến nay, giữa hai bên không có dàn xếp gì. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà H xác nhận có 02 con là Nguyễn Thị Ngọc E, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2002 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Hiện chị E đã thành niên, đi làm công nhân và thuê nhà trọ ở riêng tại thành phố Hồ Chí Minh; cháu P đang ở với ông T. Ly hôn, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chị E, đề nghị để ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Bà H xác nhận bà và ông T không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Bà H xác nhận bà có khoảng 01 tháng làm ăn ở chung cùng gia đình ông T. Trong thời gian này bà không có tài sản, công sức gì đóng góp cho gia đình ông T. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng làm ăn, chung sống cùng nhau tại thành phố Hồ Chí Minh bà cùng ông T vẫn đứng ra lo liệu công việc lớn trong gia đình ông T. Ly hôn, bà H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại Bản tự khai ngày 25/5/2023 ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, cơ bản như bà H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã. Do không hòa giải được mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân nhau và bà H làm đơn xin ly hôn ông, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng không dàn xếp gì. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T xác nhận như bà H trình bày. Ly hôn, ông T đồng ý với đề nghị của bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chị E, ông xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ông T, hiện ông đang làm thợ cắt tóc tại phường D, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng, nên ông đảm bảo được việc nuôi con.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Ông T xác nhận ông và bà H không ai giữ của ai tài sản gì.

Về công sức: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà H cho bà được ly hôn ông T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chị Nguyễn Thị Ngọc E, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2002 và giao cho ông T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009; bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Bà H và ông T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, bà H yêu cầu xin ly hôn với ông T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện đang tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông T có bản tự khai đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc có thẩm quyền giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y ngày 27 tháng 7 năm 2001. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà H là do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn, hay đánh đập bà và ông T còn có quan hệ với người phụ nữ

khác. Theo ông T, là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã. Tháng 7/2021, bà H làm đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng bà H và ông T vẫn mỗi người sống một nơi, không quan tâm, dàn xếp gì với nhau, điều đó thể hiện bà H và ông T không còn thiện chí hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, việc bà H xin ly hôn, ông T đồng ý là trên cơ sở tự nguyện, là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ bà H và ông T có 02 con như ông, bà đã xác nhận. Việc hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với chị Nguyễn Thị Ngọc E, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2002 do đã thành niên, tự lao động bảo đảm cuộc sống cho mình và giao cho ông T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009; bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc E, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2002 do đã thành niên, tự lao động bảo đảm cuộc sống cho mình, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên không giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009; bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001513, ngày 14

tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Mai Hương